

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG SÀI SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 83/ CV-CT

Hà nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

V/v: Giải trình CL LNST giữa BCTC kiểm toán
năm 2022 và báo cáo tự lập

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn
2. Mã chứng khoán: SCJ
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thông Nam Sơn, Xã Nam Phương Tiến, Huyện Chương Mỹ, TP Hà nội.
4. Điện thoại: 0433132183 Fax: 0433132597

5. Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn xin giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2022 giữa báo cáo tài chính kiểm toán và báo cáo tài chính do công ty tự lập cụ thể theo bảng chi tiết sau:

STT	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Ghi chú
1	Giảm chi phí lãi vay trong kỳ	2.324.034.764	Giảm chi phí trong kỳ
2	Tăng chi phí khác trong kỳ	1.960.488.522	Tăng chi phí trong kỳ
3	Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.607	Tăng lợi nhuận trong kỳ
4	Tăng lợi nhuận khác	131.756.905	Tăng lợi nhuận trong kỳ
5	Tổng giá trị thay đổi lợi nhuận trước thuế	495.341.754	Tăng LN trước thuế
6	Thay đổi thuế TNDN	655.923.245	
7	Thay đổi lợi nhuận sau thuế	160.581.491	Giảm LN sau thuế

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty chúng tôi về chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2022 giữa báo cáo tài chính kiểm toán và báo cáo tài chính công ty tự lập kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN



GIÁM ĐỐC

Vương Đức Nhật

Số: 84/ CV-CT

V/v: Giải trình điểm lưu ý của kiểm toán tại
báo cáo tài chính năm 2022

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn
2. Mã chứng khoán: SCJ
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nam Sơn, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.
4. Điện thoại: 02433.132.183

Công ty Cổ phần xi măng Sài Sơn giải trình điểm nhấn mạnh của kiểm toán tại báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

1. Giải trình về vấn đề nhấn mạnh.

*** Các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn.**

Thời điểm 31/12/2022 các khoản nợ ngắn hạn của công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là do một phần vốn vay trung hạn đầu tư cho dự án đã tới thời hạn thanh toán trong 12 tháng kế tiếp. Tuy nhiên HĐQT và ban giám đốc công ty tin tưởng và có các giải pháp để công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục và hiệu quả. Cụ thể:

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Cụ thể ngày 18/01/2023, Công ty đã phát hành thành công 20.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là ông Nguyễn Sỹ Tiệp với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 378.390.000.000 đồng lên 578.390.000.000 đồng

- Công ty đang đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát huy tối đa những lợi thế của công ty như vị trí địa lý nhà máy, thương hiệu các sản phẩm, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí tài chính, nhân công sản xuất... làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Ban giám đốc đang làm việc với các tổ chức tín dụng để giảm lãi suất vay vốn trung hạn và dài hạn, cơ cấu các khoản nợ trung hạn đến hạn phải trả. Đồng thời đề nghị các tổ chức tín dụng cho vay bù đắp tài chính trung dài hạn cho các khoản đầu tư cải tạo dây



chuyên thiết bị nhà máy mà công ty đã đầu tư nhưng trước đây chưa vay được vốn trung dài hạn.

- Thêm vào đó, kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây đều có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ đầu tư các dự án đang triển khai của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng với những giải pháp nêu trên công ty sẽ đảm bảo được dòng tiền duy trì hoạt động ổn định và sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Trên đây là giải trình của công ty chúng tôi về điểm nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính năm 2022

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN



GIÁM ĐỐC

Vương Đức Nhật



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI GÒN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vương Đức Nhật	Thành viên
Bà Phan Thị Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vương Đức Nhật	Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Chung	Phó Giám đốc
Ông Lê Mạnh Bình	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/08/2022) (miễn nhiệm ngày 16/11/2022)
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/08/2022)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Ngọc Na	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
Bà Phùng Thị Duyên	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Sỹ Tiệp - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vương Đức Nhật
Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023

Số: 032101/2023/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 31/12/2022, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 493.729.307.570 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Cụ thể ngày 18/01/2023, Công ty đã phát hành thành công 20.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là ông Nguyễn Sỹ Tiếp với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 378.390.000.000 đồng lên 578.390.000.000 đồng.

Ý kiến kiểm toán của Kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh trên.



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2023-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023

Đặng Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5169-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		333.048.071.505	297.729.585.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.892.024.567	1.900.316.037
1. Tiền	111	V.1	13.892.024.567	1.900.316.037
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		142.658.076.693	39.587.061.980
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	124.446.984.208	26.713.013.390
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	18.977.666.487	12.858.042.202
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	882.673.978	982.318.368
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.649.247.980)	(966.311.980)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	141.519.372.253	206.965.607.895
1. Hàng tồn kho	141		141.519.372.253	206.965.607.895
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.968.597.992	49.276.599.770
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	8.807.973.204	3.284.802.283
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.160.624.788	45.991.797.487
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.646.526.830.763	1.737.431.008.695
I. Tài sản cố định	220		1.435.826.705.640	1.459.225.548.854
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.435.826.705.640	1.459.225.548.854
- Nguyên giá	222		2.019.494.356.580	1.945.128.577.908
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(583.667.650.940)	(485.903.029.054)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		152.715.000	152.715.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(152.715.000)	(152.715.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.264.091.323	51.651.908.775
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	6.264.091.323	51.651.908.775
III. Tài sản dài hạn khác	260		204.436.033.800	226.553.551.066
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	204.436.033.800	226.553.551.066
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.979.574.902.268	2.035.160.594.377

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.506.163.097.988	1.566.395.129.126
I. Nợ ngắn hạn	310		826.777.379.075	643.995.185.708
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	98.270.454.966	163.217.448.517
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14b	1.300.179.150	14.932.389.363
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	12.016.832.177	7.697.083.235
4. Phải trả người lao động	314		4.537.017.641	4.105.262.824
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	18.065.073.330	21.090.690.820
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	877.062.035	1.278.924.346
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	691.710.759.776	431.673.386.603
II. Nợ dài hạn	330		679.385.718.913	922.399.943.418
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	679.385.718.913	922.399.943.418
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		473.411.804.280	468.765.465.251
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	473.411.804.280	468.765.465.251
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		378.390.000.000	378.390.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		378.390.000.000	378.390.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.650.713.000	7.650.713.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		59.383.458.551	59.383.458.551
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.811.263	1.811.263
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.985.821.466	23.339.482.437
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.339.482.437	18.260.882.280
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.646.339.029	5.078.600.157
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.979.574.902.268	2.035.160.594.377

Phạm Tiên Hiều
Người lập
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023

Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.200.141.215.532	1.053.506.257.807
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		491.138.890	114.927.272
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.199.650.076.642	1.053.391.330.535
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.014.539.085.333	902.231.987.656
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		185.110.991.309	151.159.342.879
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	194.690.306	769.644.038
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	114.560.142.010	92.692.960.282
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		113.487.594.635	92.373.519.508
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.531.097.351	15.520.875.760
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	38.337.395.980	27.270.955.195
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.877.046.274	16.444.195.680
11. Thu nhập khác	31		15.797.000	1.532.094
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.685.444.052	1.099.831.205
13. Lợi nhuận khác	40		(1.669.647.052)	(1.098.299.111)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.207.399.222	15.345.896.569
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	13.561.060.193	10.267.296.412
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.646.339.029	5.078.600.157
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	123	134
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	123	134

Phạm Tiến Hiếu
Người lập
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023

Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	18.207.399.222	15.345.896.569
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	97.764.621.886	84.739.011.310
Các khoản dự phòng	03	682.936.000	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	396.725.792	442.498.206
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.118.353)	(7.705.058)
Chi phí lãi vay	06	113.487.594.635	92.373.519.508
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	230.522.159.182	192.893.220.535
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(83.932.778.014)	382.296.541.455
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	65.446.235.642	(83.211.894.252)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(85.831.890.136)	(118.413.118.329)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	16.594.346.345	(227.343.904.203)
Tiền lãi vay đã trả	14	(110.327.590.814)	(91.427.272.453)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.311.588.028)	(14.824.896.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.158.894.177	39.968.676.105
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(28.207.452.668)	(51.065.551.325)
2. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.118.353	7.705.058
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.190.334.315)	(51.057.846.267)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.087.813.181.634	499.050.847.380
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.070.790.032.966)	(488.908.411.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.023.148.668	10.142.436.355
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.991.708.530	(946.733.807)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.900.316.037	2.847.049.844
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	13.892.024.567	1.900.316.037



Phạm Tiến Hiếu
Người lập
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023



Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 482-QĐ/UB ngày 01/12/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây và được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2369/QĐ-UB ngày 13/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0500444444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2003. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 cấp ngày 27 tháng 02 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 578.390.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng). Tương đương 57.839.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm của Công ty: Sản xuất và kinh doanh xi măng clinker và vật liệu xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 317 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 312 người)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2022, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 493.729.307.570 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng thương mại, gia hạn thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp, bổ sung thêm nguồn vốn bằng cách phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty thường xuyên đánh giá các ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các giải pháp để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Phát huy công suất Nhà máy Xi măng Nam Sơn sau cải tạo tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội đồng thời cải tạo môi trường tại Nhà máy trở nên xanh sạch đẹp, tăng sản lượng sản xuất, tiết kiệm chi phí.
- Tại ngày 30/04/2021, Công ty đã sáp nhập Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II vào Công ty. Công ty sẽ cố gắng thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh tại Sài Sơn II nhằm cung ứng xi măng cho thị trường Hà Nội, Hòa Bình và các tỉnh lân cận khác nhằm phát huy tối đa những lợi thế có sẵn của cả hai cơ sở sản xuất.
- Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất xi măng, đội ngũ lãnh đạo sáng tạo và đội ngũ nhân viên dày dặn kinh nghiệm, Công ty sẽ cố gắng tạo ra những sản phẩm tốt, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng khả năng cạnh tranh.
- Tại ngày 18/01/2023, Công ty đã phát hành thành công 20.000.000 cổ phiếu với số tiền thu được từ vốn điều lệ tăng thêm là 200 tỷ đồng.
- Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán, giãn tiến độ thanh toán với một số nhà cung cấp, tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp.
- Thêm vào đó, kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây đều có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.
-

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	06 - 15

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Phần mềm kế toán, hệ thống kiểm soát cân	02

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều kỳ với giá trị lớn, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí mua bảo hiểm...

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	429.091.327	97.976.840
Tiền gửi ngân hàng	13.462.933.240	1.802.339.197
Cộng	13.892.024.567	1.900.316.037

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	94.319.340.221	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thiên Nhật	9.325.454.994	4.923.979.947
Phải thu khách hàng khác	20.802.188.993	21.789.033.443
Cộng	124.446.984.208	26.713.013.390
Phải thu khách hàng bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	94.319.340.221	-

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dâu tằm tơ và Dệt may Mỹ Đức	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Yellow ANT	4.168.341.140	4.168.341.140
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Minh Phát CNC	3.498.133.616	2.198.133.616
Nhà cung cấp khác	6.311.191.731	6.491.567.446
Cộng	18.977.666.487	12.858.042.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	82.673.978	182.318.368
Phải thu khác	800.000.000	800.000.000
Cộng	882.673.978	982.318.368

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Phú Thái Bình	800.000.000	-	800.000.000	800.000.000	-	800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư thương mại Việt Hàn	682.936.000	-	682.936.000	-	-	-
Các đối tượng khác	166.311.980	-	166.311.980	166.311.980	-	166.311.980
Cộng	1.649.247.980	-	1.649.247.980	966.311.980	-	966.311.980

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	125.469.505.243	-	205.530.703.628	-
Công cụ, dụng cụ	246.909.723	-	204.638.775	-
Thành phẩm	15.802.957.287	-	1.230.265.492	-
Cộng	141.519.372.253	-	206.965.607.895	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	623.509.162.178	1.302.355.770.933	18.012.384.200	761.970.597	489.290.000	1.945.128.577.908
Mua trong năm	-	23.649.301.002	1.537.129.630	-	-	25.186.430.632
Xây dựng cơ bản hoàn thành	49.179.348.040	-	-	-	-	49.179.348.040
Tại ngày cuối năm	672.688.510.218	1.326.005.071.935	19.549.513.830	761.970.597	489.290.000	2.019.494.356.580
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	143.877.220.441	333.148.940.121	7.894.918.977	713.511.287	268.438.228	485.903.029.054
Khấu hao trong năm	26.657.319.897	68.215.371.457	2.814.465.500	23.959.304	53.505.728	97.764.621.886
Tại ngày cuối năm	170.534.540.338	401.364.311.578	10.709.384.477	737.470.591	321.943.956	583.667.650.940
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	479.631.941.737	969.206.830.812	10.117.465.223	48.459.310	220.851.772	1.459.225.548.854
Tại ngày cuối năm	502.153.969.880	924.640.760.357	8.840.129.353	24.500.006	167.346.044	1.435.826.705.640

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.411.653.770.823 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 1.454.703.772.410 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 16.687.185.641 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 5.364.390.075 đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và hệ thống kiểm soát cân với tổng nguyên giá là 152.715.000 đồng đã hết khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kho than mở rộng	6.264.091.323	-
Kho đá vôi mở rộng	-	31.980.515.874
Silo xi măng số 03	-	9.960.786.000
Các dự án khác	-	9.710.606.901
Cộng	6.264.091.323	51.651.908.775

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.158.851.800	3.101.468.952
Chi phí sửa chữa	649.121.404	183.333.331
Cộng	8.807.973.204	3.284.802.283
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	269.704.243
Lợi thế thương mại khi sáp nhập Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	202.039.148.955	226.283.846.823
Chi phí trả trước khác	2.396.884.845	-
Cộng	204.436.033.800	226.553.551.066

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	18.065.073.330	14.905.069.509
Trích trước chi phí tiền điện sản xuất	-	6.185.621.311
Cộng	18.065.073.330	21.090.690.820
Chi phí phải trả bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	2.073.535.918	-

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	515.227.311	858.202.454
Các khoản phải trả, phải nộp khác	361.834.724	420.721.892
Cộng	877.062.035	1.278.924.346

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI GÒNXã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ,
thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Nanjing C-HOpe Cement Engineering Group Co., Ltd	29.855.406.726	29.855.406.726	27.798.122.016	27.798.122.016
Công ty TNHH 3B Indochina Việt Nam	12.801.770.850	12.801.770.850	21.708.419.665	21.708.419.665
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Đạt	3.714.078.111	3.714.078.111	28.374.314.355	28.374.314.355
Công ty Cổ phần Cát Hải	473.337.036	473.337.036	37.062.885.782	37.062.885.782
Phải trả người bán ngắn hạn khác	51.425.862.243	51.425.862.243	48.273.706.699	48.273.706.699
Cộng	98.270.454.966	98.270.454.966	163.217.448.517	163.217.448.517
Phải trả người bán bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	-	-	9.713.385.545	9.713.385.545

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH BG Vĩnh Phúc	820.630.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại Thanh Thủy	235.940.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Huấn	214.010.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	-	12.976.677.473
Các khách hàng khác	29.599.150	1.955.711.890
Cộng	1.300.179.150	14.932.389.363
Người mua trả tiền trước bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	-	12.976.677.473

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp, bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	100.033.041.385	100.033.041.385	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.150.627.922	1.150.627.922	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.016.768.577	13.631.345.970	9.311.588.028	7.697.010.635
Thuế tài nguyên	63.600	787.200	796.200	72.600
Thuế đất, tiền thuê đất	-	2.149.617.170	2.149.617.170	-
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	-	189.162.641	189.162.641	-
Cộng	12.016.832.177	117.154.582.288	112.834.833.346	7.697.083.235

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	341.579.540.925	341.579.540.925	690.902.281.634	621.560.346.109	272.237.605.400	272.237.605.400
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (a)	199.694.579.373	199.694.579.373	394.655.818.987	361.390.740.598	166.429.500.984	166.429.500.984
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long (b)	35.757.083.831	35.757.083.831	110.116.906.807	137.161.973.192	62.802.150.216	62.802.150.216
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam (c)	56.759.786.005	56.759.786.005	117.770.864.124	94.207.632.319	33.196.554.200	33.196.554.200
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Sơn Tây (d)	49.358.691.716	49.358.691.716	68.358.691.716	28.800.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000
- Vay ngắn hạn cá nhân	9.400.000	9.400.000	-	-	9.400.000	9.400.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết tại thuyết minh V.17)	350.131.218.851	350.131.218.851			159.435.781.203	159.435.781.203
Cộng	691.710.759.776	691.710.759.776			431.673.386.603	431.673.386.603

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/2745062/HĐTD ngày 22/12/2021. Hạn mức tín dụng thường xuyên là 200.000.000.000 đồng. Mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 30/11/2022. Thời hạn cho vay, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng cầm cố được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký kết hợp đồng hạn mức.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cho vay hạn mức số 2021/HĐTDHM/VPB-SAISON ngày 10/11/2021. Hạn mức cho vay là 75.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất clinker các loại. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các thẻ tiết kiệm, chứng nhận tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng vay số 27474/21MB/HĐTD ngày 30/11/2021. Hạn mức cho vay là 60.000.000.000 đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC phục vụ hoạt động sản xuất xi măng, clinker. Thời hạn duy trì hạn mức là 36 tháng kể từ ngày 30/11/2021 đến ngày 30/11/2024. Thời hạn trả nợ và lãi suất cho vay của mỗi lần giải ngân theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho thuộc sở hữu của Công ty, các khoản phải thu và sổ tiết kiệm/ hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
- (d) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Sơn Tây theo hợp đồng vay số 471/2021/HĐTD/STY/01 ngày 17/12/2021. Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất xi măng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay theo từng văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠNXã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ,
thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ dài hạn	1.029.516.937.764	1.029.516.937.764	396.910.900.000	449.229.686.857	1.081.835.724.621	1.081.835.724.621
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (a)	482.250.602.877	482.250.602.877	1.030.000.000	121.887.145.928	603.107.748.805	603.107.748.805
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức (b)	5.840.000.000	5.840.000.000	-	8.057.271.000	13.897.271.000	13.897.271.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nam (c)	139.822.432.236	139.822.432.236	-	34.234.400.000	174.056.832.236	174.056.832.236
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	-	-	4.869.389.275	4.869.389.275	4.869.389.275
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội - PGD Kinh Đô	-	-	-	6.631.200.000	6.631.200.000	6.631.200.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (d)	317.625.010	317.625.010	-	688.187.503	1.005.812.513	1.005.812.513
- Ông Nguyễn Sỹ Tiệp (e)	157.933.370.792	157.933.370.792	74.980.900.000	186.315.000.000	269.267.470.792	269.267.470.792
- Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long (f)	243.352.906.849	243.352.906.849	320.900.000.000	77.547.093.151	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	(350.131.218.851)	(350.131.218.851)			(159.435.781.203)	(159.435.781.203)
Cộng	679.385.718.913	679.385.718.913			922.399.943.418	922.399.943.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả:

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây	(263.535.628.851)	(263.535.628.851)			(106.832.645.928)	(106.832.645.928)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đô	(2.774.000.000)	(2.774.000.000)			(2.244.646.000)	(2.244.646.000)
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng giao dịch Kinh Đô	-	-			(6.631.200.000)	(6.631.200.000)
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Sơn Tây	(211.750.000)	(211.750.000)			(423.500.000)	(423.500.000)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội- Chi nhánh Hà Nam	(83.609.840.000)	(83.609.840.000)			(29.434.400.000)	(29.434.400.000)
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn	-	-			(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	-			(4.869.389.275)	(4.869.389.275)
Cộng	(350.131.218.851)	(350.131.218.851)			(159.435.781.203)	(159.435.781.203)

(a) Các khoản vay tại Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn:

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay để phục vụ dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế Nhà máy xi măng Nam Sơn và Dự án Nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải 5MW. Thời hạn vay là 60 tháng, trả gốc vào cuối kỳ. Lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp mở tại ngân hàng BIDV.

Ngoài ra, tháng 09 năm 2020, Công ty phát sinh thêm gói vay 100 tỷ theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/2745062/HĐTD ngày 28/09/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây. Mục đích vay để đầu tư hệ thống máy móc thiết bị tận dụng nhiệt khí thải để phát điện 5MW. Thời hạn vay là 84 tháng. Lãi suất trong hạn đến hết ngày 31/12/2020 là 10%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay kế thừa từ Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay số 01/2018/2897896/HĐTD ngày 13/12/2018 với tổng số tiền vay là 300.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư dự án cải tạo dây chuyền nghiền và đóng bao xi măng - Nhà máy Xi măng Nam Sơn. Thời hạn cho vay 60 tháng từ ngày 14/12/2018 đến ngày 14/12/2023. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên đến ngày 31/03/2019 là 10,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp mở tại ngân hàng BIDV.

Các khoản vay dài hạn còn lại tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay để phục vụ dự án cải tạo trạm nghiền và đóng bao xi măng tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Thời hạn vay là 60 tháng, trả gốc vào cuối kỳ, lãi được trả vào ngày 20 - 25 hàng tháng. Lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp mở tại ngân hàng BIDV.

(b) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số LD1722900020 ngày 17/08/2017. Số tiền cho vay là 3.800.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,8%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn của ông Nguyễn Sỹ Tiệp do Sacombank phát hành với tổng giá trị 3.880.000.000 đồng và phong tỏa tài khoản thanh toán số 020046958811 của Công ty trị giá 11.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD1723500041 ngày 23/08/2017. Số tiền cho vay là 3.500.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,8%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 chứng chỉ tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại Ngân hàng với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 3.615.000.000 đồng.

(c) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nam theo các hợp đồng tín dụng trung hạn cụ thể. Mục đích để phục vụ cho dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà máy xi măng Nam Sơn và Dự án nhà máy điện tận dụng khí thải 5MW. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất áp dụng cho kỳ đầu tiên là 9,8%/năm và sẽ được điều chỉnh cho các kỳ tiếp theo. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại SHB theo các hợp đồng thế chấp cụ thể.

(d) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng cho vay số 166/2020/HĐTD/STY/02 ngày 06/07/2020. Số tiền cho vay là 847.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền mua 01 xe tải Ben CNHTC 4 chân mới. Thời hạn cho vay là 48 tháng từ ngày 07/07/2020 đến ngày 06/07/2024. Lãi suất vay áp dụng từ ngày 06/07/2020 đến ngày 06/07/2021 là 8,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng xe Ben CNHTC ZZ3317N326E1-V. Giá trị tài sản đảm bảo 02 bên thống nhất là 1.412.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(e) Khoản vay ông Nguyễn Sỹ Tiệp:

Các khoản vay tại Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn:

- Khế ước vay tiền số 02/KUVT/SS-NST ngày 01/07/2018 với số tiền cho vay tối đa là 150 tỷ đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động dự án nhà máy nhiệt điện tận dụng nhiệt khí thải công suất 5MW của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn. Thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày chuyển tiền từng món vay. Lãi suất được thỏa thuận bằng biên bản thỏa thuận lãi suất ký kết giữa 02 bên theo từng thời điểm cụ thể. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục khế ước vay tiền ngày 01/07/2018 liên quan đến việc áp dụng lãi suất 0% tính từ ngày 01/07/2018.

Các khoản vay kế thừa từ Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II:

- Khế ước vay tiền số 01/KUVT/SSII/NST ngày 20/10/2016 với số tiền vay 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay để cải tạo nhà máy Xi măng Sài Sơn II. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất áp dụng là 13%/năm. Phụ lục số 01/PL/KUVT/SSII/NST ngày 01/01/2018 điều chỉnh lãi suất cho vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- Khế ước vay tiền số 02/KUVT/SSII/NST ngày 01/07/2018 với số tiền vay 100.000.000.000 đồng. Lãi suất hiện tại áp dụng theo phụ lục điều chỉnh lãi suất là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(f) Khoản vay Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long được thực hiện theo hợp đồng số 01/HĐVT/SS-HL ngày 01/04/2022. Tổng số tiền cho vay là 300 tỷ đồng. Thời gian huy động đủ số tiền trên đến ngày 31/12/2022. Mục đích khoản vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời gian vay là 60 tháng tính theo từng món vay được chuyển vào tài khoản Công ty. Lãi suất khoản vay là 8%/năm, tính từ thời điểm nhận tiền. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	350.131.218.851	159.435.781.203
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	679.385.718.913	922.399.943.418
Cộng	1.029.516.937.764	1.081.835.724.621
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	350.131.218.851	159.435.781.203
Số phải trả sau 12 tháng	679.385.718.913	922.399.943.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	378.390.000.000	7.650.713.000	59.383.458.551	1.811.263	18.260.882.280	463.686.865.094
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	5.078.600.157	5.078.600.157
Số dư đầu năm nay	378.390.000.000	7.650.713.000	59.383.458.551	1.811.263	23.339.482.437	468.765.465.251
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	4.646.339.029	4.646.339.029
Số dư cuối năm nay	378.390.000.000	7.650.713.000	59.383.458.551	1.811.263	27.985.821.466	473.411.804.280

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500444444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 05 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 578.390.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, chi tiết vốn đầu tư của Công ty cụ thể như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	241.809.510.000	63,9%	241.809.510.000	63,9%
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	48.066.470.000	12,7%	48.066.470.000	12,7%
Cổ đông khác	88.514.020.000	23,4%	88.514.020.000	23,4%
Cộng	378.390.000.000	100%	378.390.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	37.839.000	37.839.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.839.000	37.839.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.839.000	37.839.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.839.000	37.839.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	2.956.608.022	2.956.608.022
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Đức Nguyễn	818.322.000	818.322.000
Văn phòng Đan phượng	560.594.133	560.594.133
Văn phòng Hà Nội	496.996.400	496.996.400
Đối tượng khác	1.080.695.489	1.080.695.489
Phải thu khác	311.485.910	311.485.910
Công ty Hoa Nam	224.760.000	224.760.000
Đối tượng khác	86.725.910	86.725.910
Trả trước cho người bán	63.450.000	63.450.000
Cộng	3.331.543.932	3.331.543.932

20. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội với mục đích xây dựng nhà máy xi măng Nam Sơn, làm Văn phòng Công ty,... Thời hạn thuê đất là 50 năm tính từ ngày 03/01/2007 đến hết ngày 15/11/2056 theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Tổng diện tích khu đất thuê là 163.156 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất clinker, xi măng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.200.141.215.532	1.053.506.257.807
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	134.197.311.212	97.717.746.914
Doanh thu bán thành phẩm	1.065.943.904.320	955.788.510.893
Cộng	1.200.141.215.532	1.053.506.257.807
Các khoản giảm trừ doanh thu	491.138.890	114.927.272
- Chiết khấu thương mại	491.138.890	114.927.272
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.199.650.076.642	1.053.391.330.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	131.430.119.207	93.681.356.828
Giá vốn bán thành phẩm	883.108.966.126	808.550.630.828
Cộng	1.014.539.085.333	902.231.987.656

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.118.353	7.705.058
Chênh lệch tỷ giá	177.571.953	761.938.980
Cộng	194.690.306	769.644.038

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	113.487.594.635	92.373.519.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.072.547.375	319.440.774
Cộng	114.560.142.010	92.692.960.282

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	647.639.461	749.244.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.880.672.890	14.734.747.326
Chi phí bằng tiền khác	2.785.000	36.883.819
Cộng	12.531.097.351	15.520.875.760

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	167.746.166	669.895.353
Chi phí nhân công	6.620.923.881	4.073.593.604
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.745.026.309	2.296.648.513
Thuế, phí và lệ phí	6.278.352	84.872.826
Chi phí dự phòng	682.936.000	166.311.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.034.354.272	2.325.021.075
Chi phí khác bằng tiền	835.433.132	1.491.479.932
Lợi thế thương mại phân bổ	24.244.697.868	16.163.131.912
Cộng	38.337.395.980	27.270.955.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	272.648.212	647.055.959
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ theo Biên bản thanh tra thuế	1.412.795.840	-
Các khoản khác	-	452.775.246
Cộng	1.685.444.052	1.099.831.205

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.207.399.222	15.345.896.569
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	46.876.443.663	35.990.585.490
Các khoản chi phí không được trừ	46.876.443.663	35.990.585.490
- Chi phí không được trừ	46.603.795.451	35.343.393.448
- Các khoản tiền phạt	272.648.212	647.192.042
Thu nhập chịu thuế	65.083.842.885	51.336.482.059
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.016.768.577	10.267.296.412
Thuế TNDN truy thu năm 2020, 2021 theo Biên bản thanh tra thuế	544.291.616	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	13.561.060.193	10.267.296.412

9. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.646.339.029	5.078.600.157
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.646.339.029	5.078.600.157
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.839.000	37.839.000
Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu	123	134

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.134.231.049.008	565.565.137.947
Chi phí nhân công	35.088.400.757	28.138.435.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.764.621.886	84.739.011.310
Thuế phí và lệ phí	2.155.385.500	1.606.797.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.875.140.670	149.313.297.893
Chi phí khác bằng tiền	994.664.781	1.614.420.078
Lợi thế thương mại	24.244.697.868	16.163.131.912
Cộng	1.447.353.960.470	847.140.232.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	Cổ đông lớn
Ông Vương Đức Nhật	Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Chung	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phó Giám đốc
Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Giám đốc	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Bán hàng	570.319.367.754	676.277.054.907
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	570.319.367.754	676.277.054.907
Mua hàng	47.627.938.937	29.915.229.029
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	47.627.938.937	29.915.229.029
Tặng vay	395.880.900.000	36.128.189.000
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	74.980.900.000	36.128.189.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	320.900.000.000	-
Trả gốc vay	263.862.093.151	11.340.368.969
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	186.315.000.000	11.340.368.969
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	77.547.093.151	-
Chi phí lãi vay phát sinh	16.570.202.077	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	16.570.202.077	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	94.319.340.221	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	94.319.340.221	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	12.976.677.473
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	-	12.976.677.473
Phải trả người bán ngắn hạn	-	9.713.385.545
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	-	9.713.385.545
Vay và nợ thuê tài chính	401.286.277.641	269.267.470.792
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	157.933.370.792	269.267.470.792
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	243.352.906.849	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.073.535.918	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	2.073.535.918	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	84.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	60.000.000	60.000.000
Ông Vương Đức Nhật	12.000.000	12.000.000
Bà Phan Thị Hải	12.000.000	12.000.000
Ban Giám đốc	733.750.000	60.000.000
Ông Vương Đức Nhật	264.000.000	-
Ông Nguyễn Trí Chung	240.000.000	60.000.000
Ông Lê Mạnh Bình	163.750.000	-
Bà Nguyễn Thu Hằng	66.000.000	-
Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Na	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Thắng	9.000.000	9.000.000
Bà Phùng Thị Duyên	9.000.000	9.000.000
Cộng	847.750.000	174.000.000

2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 1.087.813.181.634 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc theo kế ước thông thường: 1.070.790.032.966 đồng.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 18/01/2023, Công ty đã phát hành thành công 20.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là ông Nguyễn Sỹ Tiệp với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 378.390.000.000 đồng lên 578.390.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Phạm Tiến Hiếu
Người lập

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023

Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật
Giám đốc